

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 01/2025/ DS -ST

Ngày: 19/02/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hải

Ông Nguyễn Xuân Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/2025/TB-TA ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu X, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị Thúy H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu P, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

(Bà H có mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa phía nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị M nên ngày 11/4/2011 âm lịch bà P có cho bà M vay số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng), không ghi thời hạn trả

nợ mà chỉ nói khi nào cần thì bà P sẽ báo trước. Bà P và bà M tự thỏa thuận với nhau về lãi suất, bà M có ký vào giấy vay tiền và tự viết giấy nhận vay số tiền này.

Lần thứ hai, vào ngày 15/4/2011 âm lịch, bà P có cho bà M vay tiếp số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay đến ngày 15/5/2011 âm lịch bà M sẽ trả tiền cho bà P. Khi vay bà M có ký vào giấy biên nhận vay tiền đó.

Tổng cả hai lần bà M vay của bà P số tiền là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng). Kể từ khi vay thì bà M đã thanh toán cho bà P số tiền gốc là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng). Số tiền còn lại là 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng chẵn). Bà M chưa thanh toán được cho bà P khoản tiền lãi nào kể từ khi vay.

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn đề nghị bà M phải thanh toán cho bà P số tiền gốc là 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/5/2011 âm lịch đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ đề nghị bà M phải thanh toán cho bà P số tiền gốc là 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng), bà P không đề nghị lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện quan điểm của mình như sau:

Do mối quan hệ quen biết với bà Bùi Thị P nên ngày 11/4/2011 (âm lịch) bà có vay của bà P số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng). Khi vay bà có viết giấy biên nhận vay tiền và có ký vào giấy biên nhận vay tiền đó. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay là khi nào bà P đòi thì bà M sẽ thanh toán cho bà P, mục đích bà vay là để chi tiêu cá nhân. Kể từ khi vay bà M đã trả được số tiền lãi đến năm 2017. Sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không trả được nữa nhưng việc trả lãi thì bà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là đã trả được cho bà P. Đối với khoản tiền gốc của khoản vay này thì năm 2021 bà đã trả được cho bà P 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) và đến năm 2023, bà đã trả được cho bà P số tiền là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng), bà nhớ năm chứ không nhớ ngày tháng cụ thể. Như vậy, bà đã trả được cho bà P số tiền gốc là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng). Số tiền gốc bà còn nợ lại bà P số tiền là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng). Bà xin được trả dần số tiền gốc 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) này. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin bà P số tiền lãi.

Đối với khoản vay 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) thể hiện trong giấy vay tiền đề ngày 15/4/2011 âm lịch, người vay là bà Nguyễn Thị M thì bà M cho rằng bà không vay, không viết giấy vay và cũng không ký vào giấy vay tiền này. Do vậy, bà khẳng định bà chỉ nợ bà P số tiền gốc là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) trong giấy vay tiền ngày 11/4/2011 âm lịch nên quan điểm của bà là bà chỉ thanh toán số tiền gốc là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) cho bà P và bà xin bà P khoản tiền lãi.

Ngày 04/12/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đề nghị trưng cầu chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị M đối với khoản vay ngày 15/4/2011 âm lịch. Tòa án đã trưng cầu chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 102, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P đối với bà Nguyễn Thị M.

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Bùi Thị P số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng chẵn).

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Bùi Thị P số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị P khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền gốc mà bà Nguyễn Thị M đã vay của bà là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Về sự có mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt bà Nguyễn Thị M là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: Việc bà Nguyễn Thị M có vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền các ngày 11/4/2011 (âm lịch) và ngày 15/4/2011 (âm lịch) của bà Bùi Thị P là có thật. Mặc dù bà M chỉ thừa nhận vay bà P số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 11/4/2011 âm lịch còn không thừa nhận khoản vay 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) ngày 15/4/2011 âm lịch và cho rằng bà không vay tiền, không viết giấy vay cũng như không ký vào giấy vay tiền này. Do vậy, theo đề nghị của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập tài liệu chứng cứ lấy tài liệu có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị M để giám định. Tại bản kết luận giám định số 1664/KLGĐ –KTHS ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Các chữ Nguyễn Thị M dưới mục “Người vay” trên “Giấy vay tiền” ngày 15/4/2011 mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “M” và các chữ Nguyễn Thị M dưới mục “Người khai; các bên tham gia phiên hòa giải; người nhận; người bị buộc tội, người bị hại, đương sự” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là do cùng một người viết ra.

Từ những căn cứ trên có thể khẳng định: Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 15/4/2011 đối với khoản tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là của bà Nguyễn Thị M.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị M vay của bà Bùi Thị P là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Kể từ khi các bên ký kết giao dịch dân sự đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Về khoản tiền gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Nguyễn Thị M đã trả được cho bà Bùi Thị P số tiền gốc là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng) sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên bà M không trả được cho bà P khoản tiền nào khác. Như vậy, tổng số tiền gốc bà M còn nợ lại bà P là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Nên bà Bùi Thị P khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà P khoản tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng chẵn) là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị P đề nghị bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho bà P khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật nhưng tại

phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà P không đề nghị tính lãi suất đối với bà M do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả cho bà Bùi Thị P số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Bùi Thị P được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi mặc dù đã được giải thích về việc thuộc đối tượng được miễn án phí nhưng bà M không làm đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P đối với bà Nguyễn Thị M.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Bùi Thị P số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng chẵn).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Bùi Thị P số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Dương sự;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

